

Bản án số: 598/2026/DS-PT

Ngày: 28- 8- 2026

V/v tranh chấp hui

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thế Phương

*Các Thẩm phán:* Ông Đỗ Cao Khánh

Ông Bùi Anh Tuấn

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Ngô Thúy Nguyên là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Điện - Kiểm sát viên.

Ngày 28/8/2026, tại Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 449/2026/TLPT-DS ngày 05 tháng 8 năm 2026, về việc “Tranh chấp hui”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 171/2026/DS-ST ngày 26/6/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 634/2026/QĐ-PT ngày 13 tháng 8 năm 2026, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Lê Minh H, sinh 1978; Căn cước công dân: 095078000867, cấp ngày 28/4/2021; Địa chỉ cư trú: Ấp H, xã Đ, tỉnh Cà Mau;

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Bà Trần Mỹ N, sinh năm 1983; CCCD số 096183010630 cấp ngày 27/9/2024; Địa chỉ cư trú: 1, phường B, tỉnh Cà Mau (có mặt).

**- Bị đơn:** Ông Trần Văn , sinh năm 1960; CCCD số 095060000404 cấp ngày 28/4/2021; Địa chỉ cư trú: Ấp H, xã Đ, tỉnh Cà Mau;

*Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:* Ông Nguyễn Khánh D, sinh năm 2001; CCCD số 095201005125 cấp ngày 02/10/2024; Địa chỉ cư trú: Ấp V, xã A, tỉnh Cà Mau (có mặt).

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1979; CCCD số 096179001009, cấp ngày 28/4/2021; Địa chỉ cư trú: Ấp H, xã Đ, tỉnh Cà Mau(có mặt);

Ông Lê Văn T, sinh năm 1984; Địa chỉ cư trú: Ấp H, xã Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

**- Người kháng cáo:** Ông Trần Văn (là bị đơn).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo lời trình bày của các bên đương sự và kết quả xét xử sơ thẩm, vụ án được tóm tắt như sau:*

Từ tháng 02/2022 đến năm 2025 ông Lê Minh H làm chủ hội, mở nhiều dây hội, ông Trần Văn V, bà Nguyễn Thị L tham gia với nhiều phần hội (chung hội), cụ thể:

- Dây hội thứ nhất mở ngày 02/02/2022 (al), loại hội 1.000.000 đồng, gồm 39 phần hội, mỗi tháng khai hội 01 lần. Ông Trần Văn , bà Nguyễn Thị L tham gia 04 phần hội. Hót phần hội thứ nhất vào 02/9/2022 được số tiền 22.000.000 đồng. Hót phần hội thứ hai ngày 02/3/2023, được số tiền 25.240.000 đồng. Hót phần hội thứ ba ngày 02/5/2022 được số tiền 23.480.000 đồng và hót phần hội thứ tư ngày 02/7/2022 được số tiền 23.480.000 đồng. Đến tháng 5/2023 thì ông Trần Văn , bà Nguyễn Thị Lệ N1 đóng tiền hội. Dây hội này đã mãn hội vào ngày 02/03/2025, ông Trần Văn V, bà Nguyễn Thị L còn nợ lại 21 kỳ nộp hội bằng số tiền 84.000.000 đồng.

- Dây hội thứ hai mở ngày 05/9/2022 (al), loại hội 1.000.000 đồng, gồm 32 phần hội, mỗi tháng khai hội 01 lần. Ông Trần Văn , bà Nguyễn Thị L tham gia 01 phần hội. Hót hội vào ngày 5/4/2023 được số tiền 21.660.000 đồng. Đến tháng 5/2023 thì ông Trần Văn , bà Nguyễn Thị Lệ N1 đóng tiền hội. Dây hội đã mãn ngày 05/3/2025, ông Trần Văn V, bà Nguyễn Thị L còn nợ lại 19 kỳ nộp hội bằng số tiền 19.000.000 đồng.

- Dây hội thứ ba mở ngày 18/02/2022 (al), loại hội 2.000.000 đồng, gồm 25 phần hội, mỗi tháng khai hội 01 lần. Ông Trần Văn , bà Nguyễn Thị L tham gia 01 phần hội. Hót hội vào ngày 18/02/2022 được số tiền 36.000.000 đồng. Đến tháng 5/2023 thì ông Trần Văn , bà Nguyễn Thị Lệ N1 đóng tiền hội. Dây hội đã mãn ngày 18/01/2024, ông Trần Văn , bà Nguyễn Thị L còn nợ lại 9 kỳ nộp hội bằng số tiền 18.000.000 đồng.

- Dây hội thứ tư mở ngày 20/8/2022 (al), loại hội 2.000.000 đồng, gồm 27 phần hội, mỗi tháng khai hội 01 lần. Ông Trần Văn , bà Nguyễn Thị L tham gia 01 phần hội. Hót hội vào ngày 20/11/2022 được số tiền 32.170.000 đồng. Đến tháng 5/2023 thì ông Trần Văn , bà Nguyễn Thị Lệ N1 đóng tiền hội. Dây hội đã mãn ngày 20/9/2024., ông Trần Văn , bà Nguyễn Thị L còn nợ lại 17 kỳ nộp hội bằng số tiền 34.000.000 đồng.

- Dây hội thứ năm mở ngày 10/3/2023 (al), loại hội 3.000.000 đồng, gồm 28 phần hội, mỗi tháng khai hội 01 lần. Ông Trần Văn , bà Nguyễn Thị L tham gia 01 phần hội. Hót hội vào ngày 10/5/2023 được số tiền 45.450.000 đồng. Sau khi hót hội thì ông Trần Văn , bà Nguyễn Thị Lệ N1 đóng tiền hội. Dây hội đã mãn ngày 10/7/2025, ông Trần Văn , bà Nguyễn Thị L còn nợ lại 25 kỳ nộp hội bằng số tiền 75.000.000 đồng.

- Dây hội thứ sáu mở ngày 25/9/2022 (al), loại hội 3.000.000 đồng, gồm 23 phần hội, mỗi tháng khai hội 01 lần. Ông Trần Văn , bà Nguyễn Thị L tham gia 01

phần hội. Hốt hội vào ngày 25/3/2023 được số tiền 44.520.000 đồng. Đến tháng 5/2023 thì ông Trần Văn , bà Nguyễn Thị Lệ N1 đóng tiền hội. Dây hội đã mãn ngày 25/5/2024. Ông Trần Văn , bà Nguyễn Thị L còn nợ lại 13 kỳ nộp hội bằng số tiền 39.000.000 đồng.

- Dây hội thứ bảy mở ngày 15/7/2022 (al), loại hội 5.000.000 đồng, gồm 21 phần hội, mỗi tháng khai hội 01 lần. Ông Trần Văn , bà Nguyễn Thị L tham gia 02 phần hội. Hốt phần hội đầu vào ngày 15/7/2022 được số tiền 69.200.000 đồng. Hốt phần hội thứ hai ngày 15/8/2022 được số tiền 57.800.000 đồng. Đến tháng 5/2023 thì ông Trần Văn , bà Nguyễn Thị Lệ Đ hội được 5.000.000 đồng, còn nợ lại 5.000.000đ thì ngưng đóng tiền hội. Dây hội đã mãn ngày 15/3/2024. Ông Trần Văn , bà Nguyễn Thị L còn nợ lại 11 kỳ nộp hội và 5.000.000 đồng của kỳ nộp hội trước còn lại bằng số tiền 105.000.000 đồng.

- Dây hội thứ tám mở ngày 30/9/2022 (al), loại hội 5.000.000 đồng, gồm 22 phần hội, mỗi tháng khai hội 01 lần. Ông Trần Văn , bà Nguyễn Thị L tham gia 01 phần hội. Hốt hội ngày 30/01/2023 được số tiền 70.550.000 đồng. Dây hội đã mãn ngày 30/5/2024. Ông Trần Văn , bà Nguyễn Thị Lệ Đ hội đến tháng 5/2023 thì ngưng nộp hội, còn nợ lại 13 kỳ nộp hội bằng số tiền 65.000.000 đồng.

Tổng cộng 08 dây hội ông Trần Văn , bà Nguyễn Thị Lệ N2 ông Lê Minh H số tiền 439.000.000 đồng.

Ông Lê Minh H xác định trong việc tham gia giao dịch hội thì từ tháng 5/2023 ông Trần Văn V, bà Nguyễn Thị L không tiếp tục đóng hội nên tổng cộng số tiền nợ hội mà ông Trần Văn V, bà Nguyễn Thị L còn nợ ông là 439.000.000 đồng. Ngoài ra, ông Trần Văn V, bà Nguyễn Thị L có tham gia một dây hội 5.000.000 đồng mở ngày 15/05/2024, đã đóng được 10 kỳ hội sống thì ngưng đóng nên ông Lê Minh H đồng ý trả lại 50.000.000 đồng cùng với số tiền hội mà ông Trần Văn V, bà Nguyễn Thị L đã trả được 8.000.000 đồng, tiền mua heo là 6.640.000 đồng, tiền thuê đắp nền nhà 12.000.000 đồng, tổng cộng là 76.640.000 đồng nên ông chấp nhận đối trừ vào tiền nợ hội mà ông Trần Văn V, bà Nguyễn Thị Lệ N2 ông. Riêng đối với dây hội 2.000.000 đồng mở ngày 20/10/2024 có 22 phần hội thì ông Trần Văn V không có tham gia và không nộp hội. Nay ông yêu cầu ông Trần Văn , bà Nguyễn Thị L trả cho ông tổng số tiền nợ hội là 362.360.000đ, không yêu cầu trả lãi.

Ông Trần Văn V, bà Nguyễn Thị L thừa nhận có tham gia 08 dây hội, số tiền hội đã hốt, thời gian ngừng hội và thống nhất số tiền nợ hội của 08 dây hội là 439.000.000 đồng. Nhưng kể từ khi vợ chồng ông bà và ông Lê Minh H xác định số tiền hội mà vợ chồng ông bà còn nợ ông Lê Minh H số tiền 439.000.000 đồng thì sau đó vợ chồng ông bà đã trả tiếp nợ hội hàng tháng cho ông Lê Minh H. Tính từ ngày 28/5/2023 đến ngày 26/4/2025, vợ chồng ông bà đã trả cho ông Lê Minh H số tiền 343.000.000 đồng. Ngoài ra, ông bà còn tham gia hai dây hội do ông Lê Minh H làm chủ hội nhưng chưa hốt hội, cụ thể:

Dây hội thứ chín mở ngày 15/5/2024 (al), loại hội 5.000.000 đồng, gồm 22 phần hội, mỗi tháng khai hội 01 lần. Vợ chồng ông bà tham gia 01 phần hội, đã đóng được 12 kỳ hội thì ngưng giao dịch hội nên ông Lê Minh H còn nợ ông bà 60.000.000 đồng.

Dây hội thứ mười mở ngày 20/10/2024 (al), loại hội 2.000.000 đồng, gồm 22 phần hội, mỗi tháng khai hội 01 lần. Vợ chồng ông bà tham gia 01 phần hội, đã đóng được 7 kỳ thì ngưng giao dịch hội nên ông Lê Minh H còn nợ ông bà 14.000.000 đồng.

Do đó, ông bà yêu cầu đối trừ số tiền ông Lê Minh H nợ ông bà là 74.000.000 đồng vào số tiền nợ hội ông bà còn thiếu. Sau khi đối trừ thì vợ chồng ông bà chỉ còn nợ ông Lê Minh H số tiền 22.000.000 đồng.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 171/2026/DS-ST ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Cà Mau đã quyết định* Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Lê Minh H. Buộc ông Trần Văn V1 bà Nguyễn Thị L có trách nhiệm liên đới trả cho ông Lê Minh H số tiền nợ hội là 362.360.000đ, tiền lãi không yêu cầu.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 07/7/2026, ông Trần Văn kháng C, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án; của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn V; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 171/2026/DS-ST ngày 26/6/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Cà Mau.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Kháng cáo của ông Trần Văn Đ1 thực hiện trong hạn luật định và hợp lệ nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét về quan hệ pháp luật tranh chấp, ông Lê Minh H khởi kiện ông Trần Văn V, bà Nguyễn Thị L yêu cầu trả số tiền nợ hội của 08 dây hội là 362.360.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ khoản 3 Điều 26 BLTTDS xác định quan hệ tranh chấp là “tranh chấp nợ hội” và áp dụng các quy định của Bộ luật sự, Nghị Định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 để giải quyết là phù hợp.

[3] Xét kháng cáo của ông Trần Văn V cho thấy: quá trình giao dịch hội giữa các đương sự diễn ra từ năm 2022 đến năm 2025, ông Lê Minh H làm chủ hội có mở nhiều dây hội, trong đó có 08 dây hội có ông Trần Văn V, bà Nguyễn Thị L tham gia. Ông Trần Văn , bà Nguyễn Thị L đã hót hết các phần hội trong 08 dây hội nhưng chỉ đóng nợ hội đến tháng 05 năm 2023 thì không tiếp tục đóng hội nên phát sinh tranh chấp. Tính đến thời điểm khởi kiện ngày 8/7/2025, ông Trần Văn ,

bà Nguyễn Thị L nợ tiền hui của 08 dây hui là 439.000.000 đồng. Ông Lê Minh H tự nguyện đối trừ vào phần nghĩa vụ của ông Lê Minh H đối với ông Trần Văn , bà Nguyễn Thị L gồm tiền trả nợ hui, tiền mua heo con, tiền công đắp nền nhà tổng cộng bằng 76.640.000đ. Ông Lê Minh H yêu cầu ông Trần Văn V, bà Nguyễn Thị L trả số tiền nợ hui còn lại sau khi đối trừ là 362.360.000đ, không yêu cầu tính lãi.

Tại bản tự khai ngày 23/01/2026 và tại phiên tòa, ông Trần Văn V, bà Nguyễn Thị L thừa nhận có tham gia hui, có hốt hui và có nợ tiền hui của 08 dây hui với tổng số tiền 439.000.000 đồng. Do đó, Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận lời trình bày của ông Lê Minh H về việc ông Trần Văn V, bà Nguyễn Thị L có nợ hui số tiền 439.000.000 đồng là có căn cứ.

Đối với ông Trần Văn V, bà Nguyễn Thị L cho rằng, đã trả nợ hui hàng tháng cho ông Lê Minh H số tiền 343.000.000 đồng, cộng với số tiền ông Lê Minh H còn nợ hui của ông Trần Văn V, bà Nguyễn Thị L của hai dây hui chưa hốt với số tiền 74.000.000đ. Sau khi đối trừ thì ông Trần Văn , bà Nguyễn Thị L chỉ còn nợ ông Lê Minh H số tiền 22.000.000 đồng nên không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông Lê Minh H. Tuy nhiên, ông Trần Văn , bà Nguyễn Thị L không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho việc đã trả số tiền 343.000.000 đồng cho ông Lê Minh H nên không có cơ sở để công nhận. Trong giai đoạn phúc thẩm, ông Trần Văn C1 giao nộp bản tự khai của ông Nguyễn Út E, Nguyễn Văn D1 là hui viên tham gia hui do ông Lê Minh H làm chủ hui để chứng minh việc hui viên đóng hui cho ông Lê Minh H chỉ thực hiện trên thực tế, không có làm biên nhận. Tuy nhiên, nội dung khai nhận của ông Nguyễn Út E, Nguyễn Văn V2 không đảm bảo tính có căn cứ và không có cơ sở vững chắc để chứng minh cho việc ông Trần Văn , bà Nguyễn Thị L đã trả số tiền 343.000.000 đồng cho ông Lê Minh H. Ngoài ra, từ việc tự thừa nhận của ông Lê Minh H và tự nguyện đối trừ các khoản nợ khác thuộc nghĩa vụ của ông Lê Minh H và Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận sự tự nguyện để đối trừ số tiền 76.640.000đ vào số tiền nợ hui 439.000.000 đồng. Buộc ông Trần Văn , bà Nguyễn Thị L trả cho ông Lê Minh H số tiền 362.360.000đ là có căn cứ.

[4] Từ những nhận định trên, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn V. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 171/2026/DS-ST ngày 26/6/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Cà Mau.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Ông Trần Văn L1 người cao tuổi, có nộp đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn V. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 171/2026/DS-ST ngày 26/6/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Cà Mau.

2. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 91, Điều 92, Điều 144, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357, Điều 468 và Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hội, phường; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Minh H. Buộc ông Trần Văn V1 bà Nguyễn Thị Lệ C2 chịu trách nhiệm trả cho ông Lê Minh H số tiền nợ hội là 362.360.000 đồng (Ba trăm sáu mươi hai triệu ba trăm sáu chục ngàn).

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu chậm thi hành án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.*

- Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Minh H không phải chịu án phí nên được nhận lại số tiền 5.500.000 đồng đã dự nộp tại biên lai thu số 0006414 ngày 16/12/2025 và biên lai thu số 0002719 ngày 16/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau. Ông Trần Văn Đ1 miễn án phí. Bà Nguyễn Thị L phải chịu 9.059.000 đồng.

- Án phí dân sự phúc thẩm, ông Trần Văn Đ1 miễn nộp.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 4, 7, 8, 34, 36 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật hành án dân sự.*

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thế Phương**

